

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 25/2024/KDTM-PT
Ngày 05-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng.

Bà Trần Thị Thắm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:**
Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 5 và 05 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng xây dựng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2024/QĐXXPT-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (sau đây viết là Công ty TNHH B hoặc viết là Công ty B); địa chỉ: Lô O, đường N, Khu công nghiệp N, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 27 tháng 5 năm 2024):

Ông Huỳnh Thanh H; địa chỉ: Số C, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có mặt tại phiên tòa).

- **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn P (sau đây viết là Công ty TNHH P hoặc viết là Công ty P); địa chỉ: số E V, Đại lộ Đ, Khu công nghiệp V Singapore, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 15 tháng 11 năm 2023):

1. Ông Seungmok O (vắng mặt tại phiên tòa).
2. Bà Đinh Tuyết Anh T (có mặt tại phiên tòa).
3. Bà Bùi Thị Thủy T1 (có mặt tại phiên tòa).

Cùng địa chỉ: Tầng G, Vincom L, số G Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Công ty P (bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty B và Công ty P ký Hợp đồng xây dựng số 01/2020/HDXD/CA-PKY ngày 10 tháng 12 năm 2020 (sau đây viết là Hợp đồng) với nội dung Công ty Bê tông CA nhận thầu xây dựng nhà máy P1 (tại Khu công nghiệp H, tỉnh Đồng Nai) cho chủ đầu tư là Công ty P. Hai bên thỏa thuận sau 01 năm bảo hành công trình (tính từ ngày phê duyệt kiểm tra cuối cùng) thì trong 07 ngày sẽ thanh toán 5% giá trị còn lại của Hợp đồng là 1.685.800.000 (một tỷ, sáu trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm nghìn) đồng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nội dung Hợp đồng và hai bên đã nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Ngày 12 tháng 7 năm 2023, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 842.400.000 (tám trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm nghìn) đồng là đồng nghĩa với việc bị đơn đồng ý là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng. Tuy nhiên, phần 842.400.000 (tám trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm nghìn) đồng còn lại thì bị đơn không thanh toán mà đưa ra lý do công trình bị hư hại, chưa hoàn thành việc bảo hành công trình, công trình bàn giao không đúng tiến độ.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, Ban Quản lý các khu công nghiệp T đã ban hành Thông báo số 1227/TB-KCNĐN (sau đây viết là Thông báo số 1227) về việc chấp thuận kết quả nghiệm thu để đưa vào sử dụng công trình thuộc dự án nhà máy P1, kết luận chấp nhận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư đối với công trình nêu trên, những hư hỏng phát sinh trong quá trình công trình đưa vào sử dụng không phải do lỗi xây dựng của nguyên đơn gây ra, cũng không phải là do chất lượng công trình không bảo đảm. Nguyên nhân gây hư hỏng phát sinh là do địa hình xây dựng, thời tiết, môi trường sản xuất kinh doanh làm ảnh hưởng mà nguyên nhân chính là công trình bị đơn sử dụng để kinh doanh những nhóm thiết bị hạng nặng, làm rung lắc gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình.

Trong thời hạn bảo hành, nguyên đơn đã thực hiện việc sửa chữa, khắc phục những hư hỏng mà bị đơn thông báo cho nguyên đơn. Đối với những hư hỏng nằm ngoài thời gian bảo hành, bị đơn cũng thực hiện tinh thần hợp tác, hỗ trợ sửa chữa (cụ thể lần thông báo cuối cùng nguyên đơn nhận được từ bị đơn ngày 14 tháng 6 năm 2023. Ngày 15 tháng 6 năm 2023, nguyên đơn đã đưa ra phương hướng khắc phục bằng hình thức phản hồi qua thư điện tử với nội dung “*chỉ riêng 3 hạng mục là hàng rào chung bờ tường với công ty Y, nhà xưởng tầng 2, sàn*

phòng họp văn phòng thì không thể thực hiện được” và tiến hành sửa chữa theo yêu cầu. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý với kết quả sửa chữa, đưa ra đủ lý do gây khó khăn. Tiếp tục nhân nhượng, nguyên đơn đưa ra phương án đề nghị phía bị đơn yêu cầu bên thứ ba tiếp tục sửa chữa, đồng ý hỗ trợ chi phí 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng (chưa bao gồm thuế VAT) nhưng bị đơn không đồng ý số tiền mà đưa ra báo giá 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng (chưa bao gồm thuế VAT). Do chi phí bị đơn đưa ra quá cao, không phù hợp, trong khi đó nguyên đơn đã hoàn thành xong việc bảo hành sửa chữa nên nguyên đơn không đồng ý.

Cuộc họp ngày 10 tháng 7 năm 2023 diễn ra sau khi công trình được đưa vào sử dụng hơn 1 năm, 07 hạng mục hư hỏng được thỏa thuận trong biên bản họp được phát sinh vào thời điểm công trình đã hết thời gian bảo hành và nằm ngoài những nội dung yêu cầu sửa chữa trong thông báo ngày 14 tháng 6 năm 2023 của bị đơn (07 hạng mục này không liên quan, không nằm trong danh mục sửa chữa được bị đơn cung cấp bằng hình ảnh trong tập tài liệu kèm đơn phản tố). Tại cuộc họp, nguyên đơn lắng nghe ý kiến của bị đơn, vì giữ mối quan hệ hợp tác lâu dài có gửi lời xin lỗi vì những hư hỏng phát sinh của công trình nằm ngoài thời gian bảo hành nhưng việc xin lỗi này không đồng nghĩa với việc nguyên đơn thừa nhận công trình nguyên đơn bàn giao là không đảm bảo chất lượng và không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong thời gian bảo hành. Những hư hỏng phát sinh của công trình ngoài thời hạn bảo hành bị đơn phải tự chịu chi phí sửa chữa nhưng vì mối quan hệ với đối tác và làm ăn lâu dài, nguyên đơn đồng ý họp ngày 10 tháng 7 năm 2023 để cùng nhau đưa ra hướng khắc phục, sửa chữa trên tinh thần hợp tác và hỗ trợ.

Việc không thực hiện được thỏa thuận tại cuộc họp ngày 10 tháng 7 năm 2023 do lỗi của bị đơn. Nguyên đơn chọn bên thứ ba để sửa chữa và hỗ trợ bị đơn chi phí 130.000.000 (một trăm ba mươi triệu) đồng với 7 hạng mục nhưng bị đơn không đồng ý và yêu cầu được chọn bên thứ ba để nguyên đơn phải chịu chi phí 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng là không phù hợp. Bị đơn muốn áp giá như thế nào buộc nguyên đơn phải chịu là không đúng. Nguyên đơn đề nghị để nguyên đơn chọn bên thứ 3 vì giá bị đơn đưa ra quá cao nhưng bị đơn không đồng ý. Bị đơn cho rằng nguyên đơn không gửi bảng báo giá cho bị đơn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nguyên đơn nhận được 50% của khoản công nợ còn lại (ngày 12 tháng 7 năm 2023) là không đúng vì ngày 13 tháng 7 năm 2023 nguyên đơn đã gửi bảng báo giá cho bị đơn thông qua tài khoản Zalo của ông T2 (người phiên dịch của bị đơn).

Ngoài ra, bị đơn cho rằng nguyên đơn vi phạm tiến độ thi công công trình là không có căn cứ vì: Sau khi ký kết Hợp đồng, đại dịch COVID-19 bùng phát, hoạt động xây dựng trong cả nước gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ thi công. Khoảng tháng 9 năm 2021, bị đơn thay đổi thiết kế nên phải dừng thi công chờ điều chỉnh giấy phép 5 tháng (giấy phép được điều chỉnh ngày 21 tháng 02 năm 2022). Việc thay đổi thiết kế nằm trong quy định về thời hạn thi công được gia hạn được quy định tại Điều 7 mục 7.2 của Hợp đồng. Sau khi công trình được tiếp tục thi công thì việc xây dựng lại tiếp tục chịu ảnh hưởng của đại dịch

COVID-19, phải thực hiện Chỉ thị 16 về giãn cách xã hội kéo dài cũng là nguyên nhân ảnh hưởng tiến độ công trình (điều này cũng được bị đơn thừa nhận trong các ý kiến trình bày gửi cho Tòa án và là sự kiện bất khả kháng được quy định tại Điều 7, mục 7.2 của Hợp đồng).

Việc thống nhất tại cuộc họp ngày 10 tháng 7 năm 2023 trên tinh thần hỗ trợ, không buộc nguyên đơn có trách nhiệm đối với bị đơn và nguyên đơn không vi phạm bất cứ nghĩa vụ gì đối với bị đơn. Vì vậy, nguyên đơn không đồng ý hỗ trợ bất cứ chi phí sửa chữa nào trong biên bản họp ngày 10 tháng 7 năm 2023 cho bị đơn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 842.400.000 (tám trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm nghìn) đồng nợ gốc và tiền lãi do bị đơn vi phạm nghĩa vụ chậm thanh toán tính từ ngày 12 tháng 7 năm 2023 đến ngày 12 tháng 8 năm 2023 là $842.400.000 \text{ đồng} \times 1 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng} = 6.318.000$ (sáu triệu, ba trăm mười tám nghìn) đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và có ý kiến:

Sau buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17 tháng 01 năm 2024, vì mối quan hệ đối tác và làm ăn lâu dài nên nguyên đơn tiếp tục yêu cầu đơn vị thứ ba báo giá đối với những hạng mục bị đơn yêu cầu sửa chữa theo biên bản họp ngày 10 tháng 7 năm 2023 và xác định chi phí sửa chữa công trình là 88.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn đồng ý trừ 100.000.000 đồng là chi phí sửa chữa công trình vào nợ gốc, số tiền còn lại buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 742.400.000 đồng và tiền lãi $742.400.000 \text{ đồng} \times 1 \text{ tháng} \times 0,75\% = 5.568.000$ đồng. Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày 13/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá chuẩn bị xét xử sơ thẩm đại diện của bị đơn trình bày:

Công ty TNHH B (nhà thầu) và Công ty TNHH P (chủ đầu tư) ký Hợp đồng xây dựng số 01/2020/HDXD/CA-PKY theo đó nhà thầu xây dựng nhà máy theo bảng dự toán khối lượng, bản vẽ đã được chấp thuận giữa 02 bên với thời hạn xây dựng công trình là 05 tháng. Tuy nhiên, công trình được xây dựng kéo dài tới 01 năm 06 tháng mới xong. Lý do chậm một phần do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19. Sau đó, 02 bên ký Phụ lục hợp đồng xây dựng số 01/2020/PLHDXD/CA-PKY ngày 18 tháng 12 năm 2020 và Phụ hợp đồng số 02/2021/PLHDXD/CA-PKY ngày 06 tháng 7 năm 2021 (sau đây viết là Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02). Việc thanh toán tiền được quy định tại Điều 6 của Hợp đồng và Điều 3 của Phụ lục số 02. Công ty TNHH P đã thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH B.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 lập biên bản nghiệm thu công trình nhưng ngày 20 tháng 6 năm 2022 Công ty TNHH P mới nhận được Thông báo số 1227. Tính đến thời điểm này, chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu 97,5% giá trị Hợp đồng. Riêng Phụ lục số 02 đã được thanh toán 100%. Lý do chủ đầu tư chưa thanh toán 2.5% giá trị công trình vì nhà thầu chưa hoàn tất bảo hành công trình, không tuân

thủ biên bản họp ngày 10 tháng 7 năm 2023. Ngày 4 tháng 8 năm 2023 nhà thầu đã đồng ý trừ chi phí sửa chữa công trình 300.000.000 đồng (chưa tính VAT) với điều kiện bị đơn chấp nhận phương án này thì trong thời hạn 03 ngày phải thanh toán hết số tiền còn lại cho nguyên đơn. Tuy nhiên, chủ đầu tư không đồng ý phương án này và đề xuất phương án phải sửa chữa xong (thời gian sửa chữa 01 tháng) mới thanh toán số tiền còn lại. Nhà thầu không đồng ý và khởi kiện.

Tại phiên hòa giải ngày 08 tháng 11 năm 2023, bị đơn có ý kiến:

Bị đơn đồng ý sau khi ký hợp đồng sửa chữa ba bên thì bị đơn sẽ thanh toán ngay cho nguyên đơn khoản tiền còn lại (sau khi trừ 300.000.000 đồng chi phí sửa chữa). Riêng tiền lãi bị đơn không đồng ý thanh toán cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện của bị đơn trình bày bổ sung:

Theo thỏa thuận giữa các bên tại Điều 7.1 của Hợp đồng, thời hạn thi công đối với toàn bộ các hạng mục công trình là 05 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng, dự kiến hoàn thành ngày 31 tháng 5 năm 2021 nhưng đến tháng 6 năm 2022 nguyên đơn mới hoàn tất việc thi công (điều này được xác định thông qua Thông báo số 1227). Đây là một trong những vi phạm hợp đồng nghiêm trọng của nguyên đơn.

Theo quy định tại Điều 11.1 của Hợp đồng, thời hạn bảo hành công trình bắt đầu từ ngày chấp nhận cuối cùng đến hết thời hạn 12 tháng. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn cho rằng sau 01 năm kể từ ngày ban hành Thông báo số 1227, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 5% giá trị hợp đồng trong vòng 07 ngày. Như vậy, nguyên đơn đã xác nhận thời hạn bảo hành sẽ kéo dài từ ngày 20 tháng 6 năm 2022 đến hết ngày 20 tháng 6 năm 2023. Ngoài ra, các bên thỏa thuận tại Điều 11.2 của Hợp đồng “trong suốt thời gian bảo hành, chủ đầu tư phải kịp thời thông báo cho nhà thầu bằng văn bản về bất kỳ sự sai sót nào trong công trình... Nếu nhà thầu không thể thực hiện để hoàn thành việc sửa chữa trong thời gian thỏa thuận... Chủ đầu tư có quyền thuê bên thứ ba để thực hiện việc sửa chữa này và chi phí sẽ do nhà thầu thanh toán”. Trong thời gian bảo hành, bị đơn nhiều lần yêu cầu nguyên đơn khắc phục, bảo hành các sai sót phát sinh trong quá trình thi công. Cụ thể, ngày 14 tháng 6 năm 2023 (trong thời hạn bảo hành) các bên có cuộc họp thảo luận về những sai sót của công trình cần phải sửa chữa. Ngày 15 tháng 6 năm 2023, bị đơn gửi danh sách các sai sót của công trình cho nguyên đơn và yêu cầu sửa chữa. Nguyên đơn không sửa chữa theo yêu cầu của bị đơn và không thực hiện nghĩa vụ bảo hành của mình. Tại cuộc họp ngày 10 tháng 7 năm 2023, nguyên đơn thừa nhận công trình có những hư hỏng phát sinh và gửi lời xin lỗi bị đơn. Nguyên đơn có nghĩa vụ sửa chữa hoặc thanh toán phí sửa chữa cho bị đơn trong trường hợp bị đơn thuê nhà thầu khác sửa chữa nhưng nguyên đơn không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào nêu trên. Vì nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ bảo hành, bị đơn không những không có nghĩa vụ thanh toán phí bảo hành cho nguyên đơn mà có quyền yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại, chi phí mà bị đơn đã phải chi trả cho việc bảo hành công trình. Vì vậy, bị đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng do nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ bảo hành và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 144; Điều 147; Điều 235; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 280 Bộ luật dân sự;
- Điều 62; Điều 75; Điều 76; Điều 80; Điều 81; Điều 107; Điều 108 Luật xây dựng;
- Điều 317 Luật thương mại;
- Nghị định số 37/2015/NĐ ngày 22/4/2015 của Chính phủ;
- Khoản 1 Điều 6, khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH B đối với bị đơn Công ty TNHH P về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Buộc Công ty TNHH P có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH B số tiền 747.968.000 đồng (trong đó nợ gốc 742.400.000 đồng; nợ lãi 5.568.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi thành án thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH P phải chịu 33.918.720 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH B số tiền 19.151.264 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013208 ngày 13/10/2023 (do bà Đỗ Thị H1 nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ nếu chậm thi hành án và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, bị đơn là Công ty P kháng cáo toàn Bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc nguyên đơn chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà T1 trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm chấp thuận yêu cầu thanh toán của nguyên đơn vì cho rằng công trình không được giám định tư pháp nên không có căn cứ xác định nguyên nhân công trình hư hỏng, thiệt hại thực tế, phương án khắc phục và chi phí khắc phục hậu quả là không có cơ sở xem xét. Nhận định này của Tòa án là hoàn toàn vô lý và không khách quan vì theo thỏa thuận của các bên tại Điều 11.2 của Hợp đồng rằng “*trong suốt thời gian bảo hành, Chủ đầu tư phải kịp thời thông báo cho Nhà thầu bằng văn bản về bất kỳ sự sai sót nào trong công trình ... Nếu Nhà thầu không thể thực hiện để hoàn thành việc sửa chữa trong thời gian thỏa thuận ... Chủ Đầu tư có quyền thuê bên thứ ba để thực hiện việc sửa chữa này và chi phí sẽ do Nhà thầu thanh toán*”. Thỏa thuận này cũng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định 06/2021/NĐ-CP vì theo quy định này, nguyên đơn có trách nhiệm bảo hành công trình khi nhận được yêu cầu bảo hành của bị đơn trong thời hạn bảo hành. Nguyên đơn cũng là bên phải chịu chi phí bảo hành. Thời hạn bảo hành theo Hợp đồng từ 20 tháng 6 năm 2022 đến hết ngày 20 tháng 6 năm 2023. Trong suốt thời hạn bảo hành, bị đơn đã nhiều lần liên hệ với nguyên đơn và yêu cầu nguyên đơn khắc phục, bảo hành các sai sót phát sinh trong quá trình thi công. Cụ thể, vào ngày 14 tháng 6 năm 2023 (trong thời hạn bảo hành) các bên có cuộc họp thảo luận về những sai sót của công trình cần phải sửa chữa. Sau đó, ngày 15 tháng 6 năm 2023 (vẫn trong thời hạn bảo hành), bị đơn đã gửi danh sách các sai sót của công trình, là kết quả của cuộc họp cho nguyên đơn và yêu cầu nguyên đơn tiến hành sửa chữa. Nguyên đơn không sửa chữa theo yêu cầu của bị đơn (điều này được nguyên đơn thừa nhận tại Biên bản họp ngày 10 tháng 7 năm 2023 là công trình “có những hư hỏng phát sinh” và gửi lời xin lỗi bị đơn). Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17 tháng 01 năm 2024, một lần nữa nguyên đơn thừa nhận “chưa sửa chữa một số phần của công trình theo yêu cầu của bị đơn trong thời hạn bảo hành”.

Các bên thỏa thuận việc bên thứ ba tiến hành sửa chữa các hạng mục hư hỏng và nguyên đơn nhiều lần thừa nhận các lỗi hư hỏng của công trình nhưng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét nội dung này.

Số tiền giảm 100.000.000 (một trăm triệu) đồng là do nguyên đơn tự mình đề xuất, không phải là đánh giá độc lập của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giá trị pháp lý của Biên bản ngày 10 tháng 7 năm 2023 dù biên bản này có dấu hiệu bị cưỡng ép thực hiện do bị đơn bị nguyên đơn cản trở hoạt động kinh doanh.

Không chỉ không thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo thỏa thuận, Công ty Bê tông CA có hành vi cản trở hoạt động kinh doanh của Công ty P. Hành vi này của Công ty Bê tông CA nhằm áp lực Công ty P nhằm ký kết Biên bản ngày 10 tháng 7

năm 2023, mà theo đó Công ty P phải thanh toán trước 842.400.000 đồng. Ngày 04 tháng 7 năm 2023, Công ty TNHH B cho xe bồn biển số 61LD 64341 chặn tại cổng Công Ty TNHH P không cho xe ra vào. Công ty P buộc phải ngồi xuống ký kết Biên bản ngày 10 tháng 7 năm 2023. Theo đó, Công ty P phải thanh toán trước 842.400.000 đồng. Công ty TNHH B sẽ gửi báo giá sửa chữa của nhà thầu thứ ba cho Công Ty TNHH P trong vòng 15 ngày. Nếu Công ty TNHH B không gửi báo giá của bên thứ ba, thì Công Ty TNHH P sẽ đơn phương chọn nhà thầu thứ ba để sửa chữa. Công ty P đã thực hiện đúng cam kết của mình, ngày 12 tháng 7 năm 2023, Công Ty P thanh toán 842.400.000 đồng cho Công ty B. Tuy nhiên, Công ty TNHH B không gửi báo giá bên thứ ba cho Công Ty TNHH P. Do đó, Công ty P không có cơ sở để thanh toán số tiền còn lại cho Công ty B.

Người ký đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty B không có thẩm quyền. Theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH B đề ngày 12 tháng 8 năm 2023, người ký đơn khởi kiện này là ông Choi Young S, ký đơn với tư cách là tổng giám đốc của Công ty B. Tuy nhiên, ông Choi Young S không có quyền đại diện cho Công ty B để ký đơn khởi kiện. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 6 của Điều lệ của Công ty Bê tông CA ban hành ngày 01 tháng 6 năm 2017, ông Choi Young S được bổ nhiệm làm tổng giám đốc của Công ty TNHH B. Khoản 5 Điều 12 của Điều lệ của Công ty Bê tông CA cũng quy định rằng “Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty”. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ của Công ty Bê tông CA, “chủ tịch công ty Đ chủ sở hữu công ty bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm để điều hành hoạt động kinh doanh...”. Như vậy, theo quy định này, đến hết ngày 01 tháng 6 năm 2022, tức sau năm (05) năm kể từ ngày ban hành điều lệ, ông Choi Young S đã hết nhiệm kỳ và không còn là tổng giám đốc của Công ty TNHH B. Điều này đồng nghĩa với việc, theo điều lệ, ông Choi Young S cũng không còn là người đại diện theo pháp luật của Công ty Bê tông CA. Theo đó, ông Choi Young S không có quyền ký đơn khởi kiện với tư cách đại diện hợp pháp của Công ty B.

Tòa án cấp sơ thẩm không gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn.

Tòa án cấp sơ thẩm không công khai chứng cứ do Công ty Bê tông CA nộp tại phiên xét xử. Tại phiên xét xử ngày 19 tháng 01 năm 2024, Công ty Bê tông CA có nộp báo giá mới về chi phí sửa chữa hạng mục hư hỏng trị giá khoảng 80.000.000 đồng (theo trình bày của Công ty Bê tông CA tại phiên xét xử). Tuy nhiên, Hội đồng xét xử đã không công khai chứng cứ này, Công ty P không được sao chụp cũng như tiếp cận chứng cứ này để đánh giá tính hợp pháp của chứng cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tố cáo của bị đơn về chứng cứ giả mạo. Tại phiên xét xử ngày 12 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn đã nộp cho Hội đồng xét xử sơ thẩm báo giá của bên thứ ba là Công ty TNHH MTV S1, có chữ ký và đóng dấu (“báo giá giả mạo”). Cũng trong phiên xét xử này, nguyên đơn đã trình bày rằng nguyên đơn đã gửi báo giá giả mạo này cho bị đơn qua ứng dụng Zalo theo đúng thỏa thuận tại biên bản ngày 10 tháng 7 năm 2023. Trên thực tế, vào

ngày 13 tháng 7 năm 2023, bị đơn chỉ nhận được một bảng báo giá bằng file excel từ nguyên đơn, trong đó đề thông tin bên báo giá của nguyên đơn chứ không phải của bên thứ ba, đồng thời, báo giá này chỉ được gửi bằng file excel và không có bất kỳ con dấu hay chữ ký chính thức nào của bên thứ ba. Do đó, nhân viên của bị đơn đã ngay lập tức đã phản hồi và yêu cầu nguyên đơn gửi lại báo giá chính thức của bên thứ ba. Thế nhưng, nguyên đơn sau đó đã không gửi thêm bất kỳ báo giá chính thức nào của bên thứ ba cho bị đơn. Phải đợi đến phiên xét xử ngày 12 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn mới cung cấp cho Hội đồng xét xử sơ thẩm báo giá giả mạo. Như vậy, nguyên đơn không những đã không thực hiện theo đúng thỏa thuận tại biên bản ngày 10 tháng 7 năm 2023 mà còn có hành vi giả mạo tài liệu, chứng cứ trong vụ án.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa Bản án sơ thẩm.

Đại diện của nguyên đơn trình bày:

Số tiền bảo hành bị đơn yêu cầu có không thực sự nằm trong Hợp đồng. Bị đơn không có thiện chí cùng nguyên đơn giải quyết. Nguyên đơn muốn hòa giải kết thúc tranh chấp nhưng bị đơn đưa ra mức giá 300.000.000 (bản trăm triệu) đồng để bên thứ ba để đồng ý sửa chữa hạng mục hư hỏng. Bị đơn cố tình gây khó khăn cho nguyên đơn.

Lời xin lỗi của nguyên đơn tại phiên họp ngày 10 tháng 7 năm 2023 là xin lỗi để tạo thiện cảm với đối tác nước ngoài, không phải thừa nhận những hạng mục bị sửa chữa sai. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các bên thống nhất thời gian bảo hành của công trình là một năm tính từ ngày Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai ban hành Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng số 1227 là từ ngày 21 tháng 6 năm 2022 đến ngày 20 tháng 6 năm 2023. Ngày 02 tháng 6 năm 2023, Công ty P gửi thư điện tử cho Công ty Bê tông CA theo 07 lỗi cần sửa chữa được Công ty Bê tông CA ký xác nhận tại biên bản thỏa thuận ngày 10 tháng 7 năm 2023. Tại thỏa thuận ngày 10 tháng 7 năm 2023, hai bên đã thống nhất nội dung: ngày 12 tháng 7 năm 2023, Công ty P sẽ thanh toán cho Công ty CA 50% số tiền bảo hành thì Công ty B phải gửi báo giá sửa chữa các hạng mục hư hỏng của nhà thầu thứ 3 cho Công ty P để bàn bạc phương án sửa chữa và phương án khấu trừ công nợ. Tuy nhiên trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được khoản tiền trên, Nhà thầu không cung cấp bảng báo giá sửa chữa thì chủ đầu tư sẽ có quyền đơn phương chọn nhà thầu thứ ba bất kỳ để tiến hành sửa chữa các hạng mục và sau khi thanh toán chi phí sửa chữa hạng mục hư hỏng, số tiền công nợ còn lại Công ty P sẽ thanh toán cho nhà thầu.

Thực hiện thỏa thuận, ngày 12 tháng 7 năm 2023, Công ty P đã thanh toán cho Công ty Bê tông CA 842.400.000 đồng còn Công ty Bê tông CA không cung cấp bảng báo giá sửa chữa cho Công ty P mặc dù đã quá hạn thỏa thuận. Do đó, Công ty P có Bảng báo giá số tiền 331.000.000 đồng với thời gian sửa chữa là 30 ngày nhưng Công ty Bê tông CA không đồng ý vì cho rằng giá cao, đồng thời đưa ra 2 phương án, trong đó có Phương án 2 là Công ty B sẽ chịu chi phí từ 150.000.000 đến 300.000.000 đồng nhưng điều kiện Công ty P phải thanh toán hết số tiền còn lại cho Công ty B, không đồng ý đơn vị thi công của bên Công ty P thi công nghiệm thu xong mới thanh toán. Công ty P không đồng ý phương án của Công ty B và xác định đơn giá sửa chữa là 331.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) và chỉ thanh toán 2,5 % tiền bảo hành đợt 6 sau khi thanh toán tiền sửa chữa 331.000.000 đồng, còn lại mới thanh toán cho Công ty Bê tông CA.

Thực tế, trong thời gian bảo hành Công ty B đã sửa chữa một số hạng mục theo yêu cầu của Công ty P nhưng việc bảo hành chưa đạt nên ngày 02 tháng 6 năm 2023, Công ty P gửi thư điện tử cho Công ty Bê tông CA với theo 07 lỗi cần sửa chữa được Công ty Bê tông CA ký xác nhận tại biên bản thỏa thuận ngày 10 tháng 7 năm 2023. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc tranh chấp giữa các đương sự còn trong thời hạn bảo hành là có căn cứ.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty P cho rằng Công ty B thi công công trình còn nhiều hạng mục cần phải sửa chữa nhưng đến nay chưa thực hiện nên chưa ký xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Bê tông CA. Công ty B cho rằng những hư hỏng là do trong quá trình công trình đưa vào sử dụng phát sinh, theo đó nguyên nhân chính là do công trình của Công ty P đang sử dụng để kinh doanh những nhóm thiết bị nặng, làm rung lắc gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình. Việc trình bày của Công ty Bê tông CA nêu trên không có cơ sở vì không có chứng cứ chứng minh và không phù hợp việc thừa nhận tại Biên bản ngày 10 tháng 7 năm 2023. Theo điểm d khoản 2 Điều 46 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định: “ Trong thời hạn bảo hành, bên nhận thầu phải thực hiện việc bảo hành trong vòng hai mươi một (21) ngày kể từ ngày nhận được thông báo sửa chữa của bên giao thầu; trong khoảng thời gian này, nếu bên nhận thầu không tiến hành bảo hành thì bên giao thầu có quyền sử dụng tiền bảo hành để thuê tổ chức, cá nhân khác sửa chữa”.

Căn cứ kết luận tại Biên bản họp ngày 10 tháng 7 năm 2023 và khoản 2 Điều 46 Nghị định số 37 của Chính phủ nêu trên thì Công ty P được sử dụng tiền bảo hành chưa thanh toán để thuê đơn vị thi công khác thực hiện việc sửa chữa, số tiền còn lại thì thanh toán cho Công ty B. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty P đưa ra Bảng báo giá số tiền 331.000.000 đồng do mình tự tính, còn Công ty Bê tông CA đưa ra Bảng báo giá bằng hợp đồng cụ thể số tiền 88.000.000 đồng với Công ty TNHH MTV S1 (nhưng tự nguyện trừ tiền sửa chữa 100.000.000 đồng). Để xác định thiệt hại trong việc sửa chữa hư hỏng, Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu nhưng các bên từ chối giám định nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiệt hại số tiền

100.000.000 đồng và tuyên buộc Công ty P thanh toán số tiền bảo hành còn lại cho Công ty B 742.000.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán là có căn cứ.

Công ty P kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Viện kiểm sát đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Seungmok O vắng mặt, có 02 người cùng đại diện theo ủy quyền là bà Đinh Tuyết Anh T và bà Bùi Thị Thủy T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, quyết định xét xử vắng mặt ông Seungmok O.

[3] Trong hồ sơ đăng ký kinh doanh và các văn bản thỏa thuận mà hai bên giao kết, nguyên đơn đăng ký tên Công ty là Công ty B, không phải là Công ty B như Tòa án cấp sơ thẩm viết tại Bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh nội dung này cho phù hợp với lời trình bày của đại diện của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Hai bên không thống nhất với nhau về các hạng mục phải sửa chữa để bảo hành và chi phí sửa chữa nhưng không bên nào đưa ra những chứng cứ khoa học có tính thuyết phục hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện giám định, định giá. Việc các bên không thống nhất với nhau về các nội dung liên quan đến bảo hành không có nghĩa là nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ bảo hành. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thừa nhận nguyên đơn đã thực hiện nhiều lần sửa chữa công trình theo yêu cầu của bị đơn. Qua nhiều lần thương lượng, bị đơn đã đồng ý trả số tiền còn lại theo Hợp đồng giao kết giữa hai bên với điều kiện nguyên đơn giảm 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Nguyên đơn đồng ý giảm 100.000.000 đồng để bị đơn chi cho việc sửa chữa theo yêu cầu. Như vậy, nguyên đơn luôn thể hiện thiện chí hoàn thành nghĩa vụ bảo hành và không có cơ sở nào xác định nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ bảo hành.

[5] Tại Điều 6 (Điều khoản thanh toán) của Hợp đồng (được điều chỉnh tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02) và Điều 11 của Hợp đồng (Bảo hành công trình), hai bên không giao kết nội dung nếu Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ bảo hành thì phải chịu mất số tiền ở khoản 6 của Điều 6 của Hợp đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận quan điểm của bị đơn về việc không trả toàn bộ số tiền còn lại vì lý do nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ bảo hành.

[6] Do các bên không trưng cầu giám định về những hư hỏng của công trình và định giá việc khắc phục những hư hỏng nên không có căn cứ xác định số tiền mà bị đơn phải tiếp tục chi để sửa chữa những thiệt hại. Tất cả những báo giá do các bên đưa ra hoặc yêu cầu bên khác đưa ra đều mang tính thị trường và chủ quan, không thể làm căn cứ để xác định số tiền bị đơn phải phải dùng để hoàn

thành việc sửa chữa công trình. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn về việc giảm cho bị đơn 100.000.000 (một trăm triệu) đồng là có căn cứ.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào hồ sơ vụ án, phương án tính tiền và Hợp đồng, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền còn lại là có căn cứ.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý giảm thêm 100.000.000 (một trăm triệu) đồng nếu bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn tất cả số tiền còn lại. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý thiện chí này của nguyên đơn nên đại diện của nguyên đơn đã rút lại ý kiến là phù hợp.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn nêu nội dung phản tố tại phiên tòa sơ thẩm là đòi lại số tiền đã chuyển cho nguyên đơn trong khoản 6 của Điều 6 của Hợp đồng. Nội dung này trùng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn trả nốt số tiền còn lại trong khoản mà bị đơn muốn phản tố. Nếu như bị đơn thực hiện thủ tục phản tố đúng quy định của pháp luật thì yêu cầu này không phải là yêu cầu riêng để giải quyết mà là ý kiến phản đối một phần yêu cầu của nguyên đơn và trùng với ý kiến phản đối mà bị đơn đã thực hiện từ Tòa án cấp sơ thẩm đến Tòa án cấp phúc thẩm.

[10] Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B cấp cho Công ty B (mã số doanh nghiệp 3701825727, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 01 năm 2010, thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 6 năm 2023) thể hiện người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Choi Young S (Tổng Giám đốc). Như vậy, tại thời điểm ký đơn khởi kiện là ngày 12 tháng 8 năm 2023, ông Choi Young S là người đại diện theo pháp luật của Công ty Bê tông CA và có thẩm quyền ký đơn khởi kiện. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận ý kiến của bị đơn cho rằng ông C Young Sun không có thẩm quyền đại diện nguyên đơn ký đơn khởi kiện bị đơn.

[11] Theo quy định tại các điều 499 đến 503 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì trong quá trình giải quyết vụ án dân sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại quyết định, hành vi trong tố tụng dân sự của cơ quan, người tiến hành tố tụng khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bị đơn không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, nhưng khi nhận giấy triệu tập của Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn không khiếu nại về hành vi không gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán trong thời hạn theo Điều 502 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như bị đơn đã từ bỏ quyền khiếu nại.

[12] Bị đơn cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm không công khai chứng cứ là Báo giá chi phí sửa chữa hạng mục hư hỏng trị giá khoảng 80.000.000 đồng do nguyên đơn nộp tại phiên xét xử ngày 19 tháng 01 năm 2024 và bị đơn không được sao chụp cũng như tiếp cận chứng cứ này để đánh giá tính hợp pháp của chứng cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 19 tháng 01 năm 2024, người đại diện của bị đơn trình bày không đồng ý với Báo giá của đơn vị thứ 3 do nguyên đơn

cung cấp tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

[13] Sau khi ký biên bản họp ngày 10 tháng 7 năm 2023, các bên đã không đạt được thỏa thuận về số tiền sửa chữa những hạng mục công trình bị hư hỏng (thể hiện qua các thông báo và văn bản số 29723/PK-Q.TGD ngày 29 tháng 7 năm 2023, số 0408/CA ngày 04 tháng 8 năm 2023, số 05823/PK-Q.TGD ngày 05 tháng 8 năm 2023 và số 08823/PK-Q.TGD ngày 08 tháng 8 năm 2023) nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng báo giá của bên thứ ba có con dấu và chữ ký (do Công ty Bê tông CA nộp tại phiên tòa ngày 12 tháng 01 năm 2024 và trình bày rằng báo giá này đã được gửi cho Công ty P vào ngày 13 tháng 7 năm 2023 theo đúng thỏa thuận tại Biên bản ngày 10 tháng 7 năm 2023) là chứng cứ giả mạo và Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tố cáo của bị đơn về chứng cứ giả mạo.

[14] Bị đơn cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm không công bằng trong việc xem xét chứng cứ do các bên cung cấp vì bảng báo giá ngày 13 tháng 7 năm 2023 mà nguyên đơn gửi cho bị đơn qua tin nhắn ứng dụng Zalo là giả mạo. Tại biên bản phiên tòa ngày 19 tháng 01 năm 2024 ghi nhận bị đơn thừa nhận bảng báo giá do nguyên đơn gửi ngày 13 tháng 7 năm 2023 cho bị đơn qua tin nhắn Zalo chưa có chữ ký và đóng dấu của đơn vị thứ ba nên bị đơn không có ý kiến về chứng cứ này. Bị đơn thay đổi ý kiến và cho rằng chứng cứ giả mạo là không có căn cứ.

[15] Bị đơn cho rằng Tòa án nhân dân thành phố Thuận An tuyên án ngày 19 tháng 01 năm 2024 nên Bản án sơ thẩm phải được gửi đến đương sự không trễ hơn ngày 29 tháng 01 năm 2024 mà đến 30 tháng 01 năm 2024 (sau hơn 10 ngày kể từ ngày tuyên án) Công ty P mới nhận được Bản án là Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thời hạn gửi bản án. Điều 183 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định cách tính thời hạn tố tụng, quy định về thời hạn tố tụng, thời điểm bắt đầu, kết thúc thời hạn tố tụng trong Bộ luật này được áp dụng theo các quy định tương ứng của Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Dân sự thì khi tính thời hạn thì không tính ngày xảy ra sự kiện mà tính từ ngày tiếp theo liền kề của ngày xảy ra sự kiện đó. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm gửi Bản án sơ thẩm cho bị đơn đúng thời hạn.

[16] Ngày 10 tháng 7 năm 2023 nên hai bên đã họp thỏa thuận về bảo hành công trình xây dựng và thanh toán công nợ và thống nhất như sau: Ngày 12 tháng 7 năm 2023, chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu 50% khoản tiền công nợ còn lại của Hợp đồng. Sau khi nhận khoản tiền này, nhà thầu sẽ gửi báo giá sửa chữa các hạng mục hư hỏng của nhà thầu thứ 3 cho chủ đầu tư và hai bên chọn ngày gần nhất để bàn phương án sửa chữa và phương án khấu trừ công nợ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận khoản tiền trên, nhà thầu không cung cấp bảng báo giá sửa chữa thì chủ đầu tư sẽ đơn phương chọn nhà thầu thứ ba bất kỳ để tiến hành sửa chữa các hạng mục hư hỏng (bảy hạng mục kèm theo biên bản). Sau khi thanh toán 50% chi phí nêu trên và chi phí sửa chữa hạng mục hư hỏng, số tiền công nợ còn lại được chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu sau khi 07 hạng mục

kèm theo Biên bản họp được sửa chữa. Như vậy, bị đơn thống nhất sẽ trả hết tiền cho nguyên đơn sau khi giải quyết xong về chi phí sửa chữa.

[17] Ngày 12 tháng 7 năm 2023, Công ty P chuyển Công ty B tổng CA 842.400.000 đồng. Ngày 13 tháng 7 năm 2023, Công ty B có gửi báo giá bên thứ ba cho ông T2 là người phiên dịch cho Công ty P (qua ứng dụng Zalo), số tiền sửa chữa là 150.106.000 đồng. Ngày 04 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn đã có thông báo số 0408/CA gửi bị đơn với 02 phương án thanh toán công nợ trong đó phương án 2 có ghi: “*Bảng báo giá của đơn vị thi công mà bên công ty P2 chọn để thi công, công ty CA chúng tôi xem và thấy không phù hợp, giá quá cao công ty CA chúng tôi đã nhiều lần thương lượng đồng ý để đơn vị thi công bên công ty P2 tiến hành sửa chữa.*”. Thông báo 0408/CA thể hiện Công ty B đồng ý chịu chi phí từ 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, tăng nhiều lần đến 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng để sửa chữa hạng mục hư hỏng (nếu bị đơn chấp thuận phương án này thì trong 03 ngày phải thanh toán hết số tiền còn lại cho nguyên đơn). Sau đó, bị đơn đã có Thông báo số 05823/PK-Q.TGD ngày 05 tháng 8 năm 2023 phản hồi đồng ý số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng mà nguyên đơn đề nghị với điều kiện phải sửa chữa xong các hạng mục hư hỏng (thời gian khoảng 01 tháng) mới thanh toán số tiền còn lại cho đơn vị thứ ba và nguyên đơn. Như vậy, thỏa thuận tại cuộc họp ngày 10 tháng 7 năm 2023 không được thực hiện do các bên không thống nhất về bảng báo giá. Do đó, bị đơn cho rằng Biên bản ngày 10 tháng 7 năm 2023, là thỏa thuận mà bị đơn bị ép thực hiện là không có cơ sở.

[18] Khi lập biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17 tháng 01 năm 2024, nhận thức rằng để có căn cứ xác định nguyên nhân công trình bị hư hỏng, công trình có đảm bảo chất lượng hay không đảm bảo chất lượng, xác định thiệt hại thực tế, phương án và chi phí khắc phục hậu quả thiệt hại thì cần phải giám định tư pháp đối với công trình là nhà máy nên Tòa án đã yêu cầu các bên làm thủ tục trưng cầu giám định công trình. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn từ chối việc yêu cầu giám định và nguyên đơn không yêu cầu giám định. Do các đương sự tranh chấp không thống nhất về giá do đơn vị thứ ba cung cấp và từ chối không yêu cầu giám định công trình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định nguyên nhân công trình bị hư hỏng, thiệt hại thực tế, phương án và chi phí khắc phục hậu quả thiệt hại theo như trình bày của bị đơn. Do đó, nguyên đơn căn cứ vào thỏa thuận của hợp đồng và các phụ lục hợp đồng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho nguyên đơn 842.400.000 đồng là phù hợp.

[19] Bị đơn cho rằng nguyên đơn nhiều lần thừa nhận các lỗi hư hỏng của công trình nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yếu tố này và nguyên đơn đã thừa nhận các lỗi hư hỏng của công trình nhưng vẫn không tiến hành sửa chữa cho dù bị đơn đã gửi yêu cầu trong thời hạn bảo hành (Cụ thể, tại Biên bản họp ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các bên, thể hiện “... đại diện Chủ đầu tư chỉ ra một số hạng mục công trình đang bị hư hỏng tại công trình xây dựng... Sau đó, ông Huỳnh Thanh H, đại diện nhà thầu cũng gửi lời xin lỗi vì những hư hỏng phát sinh...”). Tuy nhiên, tại các biên bản lấy lời khai, biên bản phiên tòa, nguyên đơn

khẳng định tại cuộc họp ngày 10 tháng 7 năm 2023, nguyên đơn đã lắng nghe ý kiến của bị đơn, đồng thời vì giữ mối quan hệ ngoại giao, nguyên đơn có gửi lời xin lỗi vì những hư hỏng phát sinh của công trình năm ngoài thời gian bảo hành, nhưng việc xin lỗi này không đồng nghĩa với việc nguyên đơn thừa nhận cho việc công trình nguyên đơn bàn giao là không đảm bảo chất lượng và không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong thời gian bảo hành, mà ý nghĩa của việc xin lỗi là để giữ mối quan hệ hợp tác về sau. Do đó, bị đơn cho rằng nguyên đơn nhiều thừa nhận các lỗi hư hỏng của công trình nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yếu tố này là không có căn cứ.

[20] Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn đưa ra rất nhiều ý kiến nhưng nội dung của tất cả các ý kiến không chứng minh được lý do để bị đơn không trả cho nguyên đơn số tiền như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định.

[21] Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Bê tông CA, buộc bị đơn là Công ty P có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty B 747.968.000 đồng (trong đó nợ gốc 742.400.000 đồng, lãi 5.568.000 đồng) là có căn cứ đúng pháp luật.

[22] Bị đơn là Công ty P kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới để chứng minh cho lập luận của mình nên không được chấp nhận.

[23] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[24] Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này (Sau đây viết là Nghị quyết số 326).

[25] Do không được chấp nhận kháng cáo nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn P phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 186, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Điều 280 của Bộ luật Dân sự; các điều 62, 75, 76, 80, 81, 107 và 108 của Luật Xây dựng; Nghị định số 37/2015/NĐ ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn P, giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Dương như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn B đối với bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn P về việc “tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn P có nghĩa vụ trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn B tổng CA khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng xây dựng số 01/2020/HDXD/CA-PKY ngày 10 tháng 12 năm 2020, Phụ lục hợp đồng xây dựng số 01/2020/PLHDXD/CA-PKY ngày 18 tháng 12 năm 2020 và Phụ hợp đồng số 02/2021/PLHDXD/CA-PKY ngày 06 tháng 7 năm 2021 cụ thể như sau:

Nợ gốc 742.400.000 (bảy trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm nghìn) đồng. Lãi 5.568.000 (năm triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn) đồng. Tổng cộng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn P phải trả nợ gốc và lãi cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn B là 747.968.000 (bảy trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn) đồng. Thực hiện một lần ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự với lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn P phải chịu 33.918.720 (ba mươi ba triệu, chín trăm mười tám nghìn, bảy trăm hai mươi) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn B được nhận lại 19.151.264 (mười chín triệu, một trăm năm mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi bốn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0013208 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn P phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004682 ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương).

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng (2);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP, Tòa Kinh tế, hồ sơ vụ án. DTKT. (11).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh